



PHỤ LỤC

DANH SÁCH NHÀ Ở HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LẠI ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC BÁN, CHO THUÊ MUA

Dự án Khu đô thị cao cấp Đại Thành - Đợt 6 - 26 lô (286 căn)

(Kèm theo Thông báo số 10007/TB-SXD ngày 16/9/2026 của Sở Xây dựng An Giang)

STT	Loại Nhà ở	Số lượng	Ký hiệu tên mẫu nhà theo hồ sơ TKBVTC	Tên lô đất theo QHCT 1/500	Quy mô căn nhà ở		Diện tích (m2)		Tổng diện tích sàn xây dựng (Theo TKBVTC)	Vị trí theo tên đường theo QH
					Số tầng	Tum	Diện tích đất	Diện tích xây dựng (Theo TKBVTC)		
	LKA-02						1.090,00	679,58	3.415,46	
1	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI A	1	M5-8	LKA-02-1	5,0	1,0	310,00	113,13	561,59	Đường ĐT21; ĐT22 & AT40
2	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI A	1	M5-2	LKA-02-2	5,0	1,0	156,00	113,33	573,07	Đường ĐT21 & ĐT22
3	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI A	1	M5-1	LKA-02-3	5,0	1,0	156,00	113,33	573,07	Đường ĐT21 & ĐT22
4	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI A	1	M5-2	LKA-02-4	5,0	1,0	156,00	113,33	573,07	Đường ĐT21 & ĐT22
5	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI A	1	M5-1	LKA-02-5	5,0	1,0	156,00	113,33	573,07	Đường ĐT21 & ĐT22
6	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI A	1	M5-7	LKA-02-6	5,0	1,0	156,00	113,13	561,59	Đường ĐT21 & ĐT22
	LKA-04						1.404,00	1.028,48	5.177,34	
1	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI A	1	M5-10	LKA-04-1	5,0	1,0	156,00	114,12	569,54	Đường ĐT21 & ĐT22
2	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI A	1	M5-4	LKA-04-2	5,0	1,0	156,00	114,32	576,90	Đường ĐT21 & ĐT22
3	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI A	1	M5-3	LKA-04-3	5,0	1,0	156,00	114,32	576,90	Đường ĐT21 & ĐT22
4	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI A	1	M5-4	LKA-04-4	5,0	1,0	156,00	114,32	576,90	Đường ĐT21 & ĐT22
5	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI A	1	M5-3	LKA-04-5	5,0	1,0	156,00	114,32	576,90	Đường ĐT21 & ĐT22
6	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI A	1	M5-4	LKA-04-6	5,0	1,0	156,00	114,32	576,90	Đường ĐT21 & ĐT22
7	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI A	1	M5-3	LKA-04-7	5,0	1,0	156,00	114,32	576,90	Đường ĐT21 & ĐT22
8	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI A	1	M5-4	LKA-04-8	5,0	1,0	156,00	114,32	576,90	Đường ĐT21 & ĐT22
9	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI A	1	M5-9	LKA-04-9	5,0	1,0	156,00	114,12	569,54	Đường ĐT21 & ĐT22
	LKA-06						1.436,80	923,94	4.649,30	
1	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI A	1	M5-8	LKA-06-1	5,0	1,0	156,00	113,13	561,59	Đường ĐT21 & ĐT22
2	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI A	1	M5-2	LKA-06-2	5,0	1,0	156,00	113,33	573,07	Đường ĐT21 & ĐT22
3	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI A	1	M5-1	LKA-06-3	5,0	1,0	156,00	113,33	573,07	Đường ĐT21 & ĐT22
4	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI A	1	M5-2	LKA-06-4	5,0	1,0	156,00	113,33	573,07	Đường ĐT21 & ĐT22
5	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI A	1	M5-1	LKA-06-5	5,0	1,0	156,00	113,33	573,07	Đường ĐT21 & ĐT22
6	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI A	1	M5-2	LKA-06-6	5,0	1,0	156,00	113,33	573,07	Đường ĐT21 & ĐT22
7	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI A	1	M5-1	LKA-06-7	5,0	1,0	156,00	113,33	573,07	Đường ĐT21 & ĐT22
8	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI A	1	M5-5	LKA-06-8	5,0	1,0	344,80	130,83	649,29	Đường ĐT21; ĐT22 & AT39
	LKB-03						936,00	682,50	2.795,58	
1	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI B	1	M4-7	LKB-03-1	4,0	1,0	156,00	113,75	465,93	Đường ĐT07 & AT38

STT	Loại Nhà ở	Số lượng	Ký hiệu tên mẫu nhà theo hồ sơ TKBVTC	Tên lô đất theo QHCT 1/500	Quy mô căn nhà ở		Diện tích (m2)		Tổng diện tích sàn xây dựng (Theo TKBVTC)	Vị trí theo tên đường theo QH
					Số tầng	Tum	Diện tích đất	Diện tích xây dựng (Theo TKBVTC)		
2	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI B	1	M4-1	LKB-03-2	4,0	1,0	156,00	113,75	465,93	Đường ĐT07 & AT38
3	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI B	1	M4-3	LKB-03-3	4,0	1,0	156,00	113,75	465,93	Đường ĐT07 & AT38
4	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI B	1	M4-1	LKB-03-4	4,0	1,0	156,00	113,75	465,93	Đường ĐT07 & AT38
5	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI B	1	M4-3	LKB-03-5	4,0	1,0	156,00	113,75	465,93	Đường ĐT07 & AT38
6	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI B	1	M4-8	LKB-03-6	4,0	1,0	156,00	113,75	465,93	Đường ĐT07 & AT38
	LKB-05						936,00	682,50	2.795,58	
1	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI B	1	M4-7	LKB-05-1	4,0	1,0	156,00	113,75	465,93	Đường ĐT07 & AT38
2	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI B	1	M4-1	LKB-05-2	4,0	1,0	156,00	113,75	465,93	Đường ĐT07 & AT38
3	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI B	1	M4-3	LKB-05-3	4,0	1,0	156,00	113,75	465,93	Đường ĐT07 & AT38
4	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI B	1	M4-1	LKB-05-4	4,0	1,0	156,00	113,75	465,93	Đường ĐT07 & AT38
5	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI B	1	M4-3	LKB-05-5	4,0	1,0	156,00	113,75	465,93	Đường ĐT07 & AT38
6	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI B	1	M4-8	LKB-05-6	4,0	1,0	156,00	113,75	465,93	Đường ĐT07 & AT38
	LKB-12						1.659,32	1.052,08	4.481,89	
1	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI B	1	M2-32	LKB-12-1	4,0	1,0	215,76	93,79	402,73	Đường AT36 & AT39
2	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI B	1	M2-18	LKB-12-2	4,0	1,0	117,00	84,50	359,32	Đường AT39
3	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI B	1	M2-16	LKB-12-3	4,0	1,0	117,00	84,50	359,32	Đường AT39
4	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI B	1	M2-18	LKB-12-4	4,0	1,0	117,00	84,50	359,32	Đường AT39
5	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI B	1	M2-16	LKB-12-5	4,0	1,0	117,00	84,50	359,32	Đường AT39
6	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI B	1	M2-27	LKB-12-6	4,0	1,0	153,00	94,25	400,92	Đường AT39
7	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI B	1	M2-28	LKB-12-7	4,0	1,0	153,00	94,25	400,95	Đường ĐT08
8	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI B	1	M2-16	LKB-12-8	4,0	1,0	117,00	84,50	359,32	Đường ĐT08
9	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI B	1	M2-18	LKB-12-9	4,0	1,0	117,00	84,50	359,32	Đường ĐT08
10	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI B	1	M2-16	LKB-12-10	4,0	1,0	117,00	84,50	359,32	Đường ĐT08
11	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI B	1	M2-18	LKB-12-11	4,0	1,0	117,00	84,50	359,32	Đường ĐT08
12	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI B	1	M2-31	LKB-12-12	4,0	1,0	201,56	93,79	402,73	Đường ĐT08 & AT36
	LKB-13						1.604,00	1.040,06	4.429,44	
1	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI B	1	M2-28	LKB-13-1	4,0	1,0	153,00	94,25	400,95	Đường AT39
2	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI B	1	M2-18	LKB-13-2	4,0	1,0	117,00	84,50	359,32	Đường AT39
3	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI B	1	M2-16	LKB-13-3	4,0	1,0	117,00	84,50	359,32	Đường AT39
4	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI B	1	M2-18	LKB-13-4	4,0	1,0	117,00	84,50	359,32	Đường AT39
5	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI B	1	M2-16	LKB-13-5	4,0	1,0	117,00	84,50	359,32	Đường AT39
6	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI B	1	M2-33	LKB-13-6	4,0	1,0	181,00	87,78	376,51	Đường ĐT07 & AT 39
7	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI B	1	M2-34	LKB-13-7	4,0	1,0	181,00	87,78	376,50	Đường ĐT07 & ĐT 08
8	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI B	1	M2-16	LKB-13-8	4,0	1,0	117,00	84,50	359,32	Đường ĐT08

STT	Loại Nhà ở	Số lượng	Ký hiệu tên mẫu nhà theo hồ sơ TKBVTC	Tên lô đất theo QHCT 1/500	Quy mô căn nhà ở		Diện tích (m2)		Tổng diện tích sàn xây dựng (Theo TKBVTC)	Vị trí theo tên đường theo QH
					Số tầng	Tum	Diện tích đất	Diện tích xây dựng (Theo TKBVTC)		
9	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI B	1	M2-18	LKB-13-9	4,0	1,0	117,00	84,50	359,32	Đường ĐT08
10	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI B	1	M2-16	LKB-13-10	4,0	1,0	117,00	84,50	359,32	Đường ĐT08
11	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI B	1	M2-18	LKB-13-11	4,0	1,0	117,00	84,50	359,32	Đường ĐT08
12	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI B	1	M2-27	LKB-13-12	4,0	1,0	153,00	94,25	400,92	Đường ĐT08
	LKB-20						1.092,00	796,25	3.261,51	
1	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI B	1	M4-8	LKB-20-1	4,0	1,0	156,00	113,75	465,93	Đường ĐT02 & AT 38
2	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI B	1	M4-3	LKB-20-2	4,0	1,0	156,00	113,75	465,93	Đường ĐT02 & AT 38
3	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI B	1	M4-1	LKB-20-3	4,0	1,0	156,00	113,75	465,93	Đường ĐT02 & AT 38
4	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI B	1	M4-3	LKB-20-4	4,0	1,0	156,00	113,75	465,93	Đường ĐT02 & AT 38
5	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI B	1	M4-1	LKB-20-5	4,0	1,0	156,00	113,75	465,93	Đường ĐT02 & AT 38
6	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI B	1	M4-3	LKB-20-6	4,0	1,0	156,00	113,75	465,93	Đường ĐT02 & AT 38
7	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI B	1	M4-7	LKB-20-7	4,0	1,0	156,00	113,75	465,93	Đường ĐT02 & AT 38
	LKB-21						764,84	455,00	1.863,72	
1	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI B	1	M4-8	LKB-21-1	4,0	1,0	156,00	113,75	465,93	Đường ĐT02 & AT 38
2	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI B	1	M4-1	LKB-21-2	4,0	1,0	156,00	113,75	465,93	Đường ĐT02 & AT 38
3	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI B	1	M4-3	LKB-21-3	4,0	1,0	156,00	113,75	465,93	Đường ĐT02 & AT 38
4	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI B	1	M4-7	LKB-21-4	4,0	1,0	296,84	113,75	465,93	Đường ĐT02; AT38 & AT 36
	LKC-01						2.321,03	1.286,07	4.561,76	
1	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI C	1	M2-32	LKC-01-1	4,0	1,0	244,83	93,79	402,73	Đường ĐT06 & ĐT 08
2	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI C	1	M2-8	LKC-01-2	3,0	1,0	117,00	84,50	275,45	Đường ĐT06
3	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI C	1	M2-9A	LKC-01-3	3,0	1,0	169,07	84,50	276,66	Đường ĐT06
4	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI C	1	M2-10A	LKC-01-4	3,0	1,0	169,16	84,50	276,65	Đường ĐT06
5	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI C	1	M2-4	LKC-01-5	3,0	1,0	117,00	84,50	275,41	Đường ĐT06
6	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI C	1	M2-1	LKC-01-6	3,0	1,0	117,00	84,50	275,72	Đường ĐT06
7	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI C	1	M2-9	LKC-01-7	4,0	1,0	117,00	84,50	360,54	Đường ĐT06
8	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI C	1	M2-10	LKC-01-8	4,0	1,0	121,98	84,50	360,53	Đường AT 36
9	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI C	1	M2-5	LKC-01-9	3,0	1,0	123,33	84,50	275,45	Đường AT 36
10	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI C	1	M2-8	LKC-01-10	3,0	1,0	123,18	84,50	275,45	Đường AT 36
11	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI C	1	M2-9A	LKC-01-11	3,0	1,0	208,05	84,50	276,66	Đường AT 36
12	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI C	1	M2-10A	LKC-01-12	3,0	1,0	209,25	84,50	276,65	Đường AT 36
13	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI C	1	M2-4	LKC-01-13	3,0	1,0	123,40	84,50	275,41	Đường AT 36
14	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI C	1	M2-1	LKC-01-14	3,0	1,0	123,12	84,50	275,72	Đường AT 36
15	NHÀ Ở LIÊN KỀ LOẠI C	1	M2-31	LKC-01-15	4,0	1,0	237,66	93,78	402,73	Đường ĐT08 & AT 36
	LKC-02						958,04	676,00	2.544,16	

STT	Loại Nhà ở	Số lượng	Ký hiệu tên mẫu nhà theo hồ sơ TKBVTC	Tên lô đất theo QHCT 1/500	Quy mô căn nhà ở		Diện tích (m2)		Tổng diện tích sàn xây dựng (Theo TKBVTC)	Vị trí theo tên đường theo QH
					Số tầng	Tum	Diện tích đất	Diện tích xây dựng (Theo TKBVTC)		
1	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-10	LKC-02-1	4,0	1,0	117,00	84,50	360,53	Đường ĐT 06
2	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-8	LKC-02-2	3,0	1,0	117,00	84,50	275,45	Đường ĐT 06
3	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-5	LKC-02-3	3,0	1,0	117,00	84,50	275,45	Đường ĐT 06
4	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-9	LKC-02-4	4,0	1,0	117,00	84,50	360,54	Đường ĐT 06
5	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-10	LKC-02-5	4,0	1,0	121,76	84,50	360,53	Đường AT 36
6	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-1	LKC-02-6	3,0	1,0	123,25	84,50	275,72	Đường AT 36
7	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-4	LKC-02-7	3,0	1,0	123,25	84,50	275,41	Đường AT 36
8	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-9	LKC-02-8	4,0	1,0	121,78	84,50	360,54	Đường AT 36
	LKC-03						2.335,79	1.286,07	4.561,80	
1	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-10	LKC-03-1	4,0	1,0	117,00	84,50	360,53	Đường ĐT 06
2	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-4	LKC-03-2	3,0	1,0	117,00	84,50	275,41	Đường ĐT 06
3	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-1	LKC-03-3	3,0	1,0	117,00	84,50	275,72	Đường ĐT 06
4	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-9A	LKC-03-4	3,0	1,0	169,16	84,50	276,66	Đường ĐT 06
5	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-10A	LKC-03-5	3,0	1,0	169,07	84,50	276,65	Đường ĐT 06
6	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-1	LKC-03-6	3,0	1,0	117,00	84,50	275,72	Đường ĐT 06
7	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-31	LKC-03-7	4,0	1,0	239,89	93,78	402,73	Đường ĐT 06 & AT38
8	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-32	LKC-03-8	4,0	1,0	257,35	93,79	402,73	Đường AT 36 & AT38
9	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-8	LKC-03-9	3,0	1,0	123,12	84,50	275,45	Đường AT 36
10	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-5	LKC-03-10	3,0	1,0	123,40	84,50	275,45	Đường AT 36
11	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-9A	LKC-03-11	3,0	1,0	209,25	84,50	276,66	Đường AT 36
12	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-10A	LKC-03-12	3,0	1,0	208,06	84,50	276,65	Đường AT 36
13	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-5	LKC-03-13	3,0	1,0	123,18	84,50	275,45	Đường AT 36
14	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-8	LKC-03-14	3,0	1,0	123,33	84,50	275,45	Đường AT 36
15	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-9	LKC-03-15	4,0	1,0	121,98	84,50	360,54	Đường AT 36
	LKC-33						1.347,70	792,48	2.725,20	
1	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-1A	LKC-33-1	4,0	1,0	204,79	74,49	317,01	Đường ĐT 01 & ĐT02
2	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-5A_3T	LKC-33-2	3,0	1,0	104,00	71,50	232,39	Đường ĐT 01
3	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-6A_3T	LKC-33-3	3,0	1,0	104,00	71,50	232,39	Đường ĐT 01
4	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-5A_3T	LKC-33-4	3,0	1,0	104,00	71,50	232,39	Đường ĐT 01
5	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-6A_3T	LKC-33-5	3,0	1,0	104,00	71,50	232,39	Đường ĐT 01
6	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-9A_3T	LKC-33-6	3,0	1,0	104,00	71,50	232,30	Đường ĐT 01
7	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-10A_3T	LKC-33-7	3,0	1,0	104,00	71,50	232,30	Đường ĐT 05
8	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-4A_3T	LKC-33-8	3,0	1,0	104,00	71,50	232,34	Đường ĐT 05
9	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-3A_3T	LKC-33-9	3,0	1,0	104,00	71,50	232,34	Đường ĐT 05

STT	Loại Nhà ở	Số lượng	Ký hiệu tên mẫu nhà theo hồ sơ TKBVTC	Tên lô đất theo QHCT 1/500	Quy mô căn nhà ở		Diện tích (m2)		Tổng diện tích sàn xây dựng (Theo TKBVTC)	Vị trí theo tên đường theo QH
					Số tầng	Tum	Diện tích đất	Diện tích xây dựng (Theo TKBVTC)		
10	NHÀ Ở LIÊN KÈ LOẠI C	1	M1-4A_3T	LKC-33-10	3,0	1,0	104,00	71,50	232,34	Đường ĐT 05
11	NHÀ Ở LIÊN KÈ LOẠI C	1	M1-2A	LKC-33-11	4,0	1,0	206,91	74,49	317,01	Đường ĐT 05 & ĐT02
	LKC-34						1.456,00	1.001,00	3.252,85	
1	NHÀ Ở LIÊN KÈ LOẠI C	1	M1-10A_3T	LKC-34-1	3,0	1,0	104,00	71,50	232,30	Đường ĐT 01
2	NHÀ Ở LIÊN KÈ LOẠI C	1	M1-4A_3T	LKC-34-2	3,0	1,0	104,00	71,50	232,34	Đường ĐT 01
3	NHÀ Ở LIÊN KÈ LOẠI C	1	M1-3A_3T	LKC-34-3	3,0	1,0	104,00	71,50	232,34	Đường ĐT 01
4	NHÀ Ở LIÊN KÈ LOẠI C	1	M1-4A_3T	LKC-34-4	3,0	1,0	104,00	71,50	232,34	Đường ĐT 01
5	NHÀ Ở LIÊN KÈ LOẠI C	1	M1-3A_3T	LKC-34-5	3,0	1,0	104,00	71,50	232,34	Đường ĐT 01
6	NHÀ Ở LIÊN KÈ LOẠI C	1	M1-4A_3T	LKC-34-6	3,0	1,0	104,00	71,50	232,34	Đường ĐT 01
7	NHÀ Ở LIÊN KÈ LOẠI C	1	M1-9A_3T	LKC-34-7	3,0	1,0	104,00	71,50	232,30	Đường ĐT 01
8	NHÀ Ở LIÊN KÈ LOẠI C	1	M1-10A_3T	LKC-34-8	3,0	1,0	104,00	71,50	232,30	Đường ĐT 05
9	NHÀ Ở LIÊN KÈ LOẠI C	1	M1-6A_3T	LKC-34-9	3,0	1,0	104,00	71,50	232,39	Đường ĐT 05
10	NHÀ Ở LIÊN KÈ LOẠI C	1	M1-5A_3T	LKC-34-10	3,0	1,0	104,00	71,50	232,39	Đường ĐT 05
11	NHÀ Ở LIÊN KÈ LOẠI C	1	M1-6A_3T	LKC-34-11	3,0	1,0	104,00	71,50	232,39	Đường ĐT 05
12	NHÀ Ở LIÊN KÈ LOẠI C	1	M1-5A_3T	LKC-34-12	3,0	1,0	104,00	71,50	232,39	Đường ĐT 05
13	NHÀ Ở LIÊN KÈ LOẠI C	1	M1-6A_3T	LKC-34-13	3,0	1,0	104,00	71,50	232,39	Đường ĐT 05
14	NHÀ Ở LIÊN KÈ LOẠI C	1	M1-9A_3T	LKC-34-14	3,0	1,0	104,00	71,50	232,30	Đường ĐT 05
	LKC-35						1.776,00	1.149,98	3.887,00	
1	NHÀ Ở LIÊN KÈ LOẠI C	1	M1-10A_3T	LKC-35-1	3,0	1,0	104,00	71,50	232,30	Đường ĐT 01
2	NHÀ Ở LIÊN KÈ LOẠI C	1	M1-6A_3T	LKC-35-2	3,0	1,0	104,00	71,50	232,39	Đường ĐT 01
3	NHÀ Ở LIÊN KÈ LOẠI C	1	M1-5A_3T	LKC-35-3	3,0	1,0	104,00	71,50	232,39	Đường ĐT 01
4	NHÀ Ở LIÊN KÈ LOẠI C	1	M1-6A_3T	LKC-35-4	3,0	1,0	104,00	71,50	232,39	Đường ĐT 01
5	NHÀ Ở LIÊN KÈ LOẠI C	1	M1-5A_3T	LKC-35-5	3,0	1,0	104,00	71,50	232,39	Đường ĐT 01
6	NHÀ Ở LIÊN KÈ LOẠI C	1	M1-6A_3T	LKC-35-6	3,0	1,0	104,00	71,50	232,39	Đường ĐT 01
7	NHÀ Ở LIÊN KÈ LOẠI C	1	M1-5A_3T	LKC-35-7	3,0	1,0	104,00	71,50	232,39	Đường ĐT 01
8	NHÀ Ở LIÊN KÈ LOẠI C	1	M1-2A	LKC-35-8	4,0	1,0	160,00	74,49	317,01	Đường ĐT 01 & AT37
9	NHÀ Ở LIÊN KÈ LOẠI C	1	M1-1A	LKC-35-9	4,0	1,0	160,00	74,49	317,01	Đường ĐT 05 & AT37
10	NHÀ Ở LIÊN KÈ LOẠI C	1	M1-3A_3T	LKC-35-10	3,0	1,0	104,00	71,50	232,34	Đường ĐT 05
11	NHÀ Ở LIÊN KÈ LOẠI C	1	M1-4A_3T	LKC-35-11	3,0	1,0	104,00	71,50	232,34	Đường ĐT 05
12	NHÀ Ở LIÊN KÈ LOẠI C	1	M1-3A_3T	LKC-35-12	3,0	1,0	104,00	71,50	232,34	Đường ĐT 05
13	NHÀ Ở LIÊN KÈ LOẠI C	1	M1-4A_3T	LKC-35-13	3,0	1,0	104,00	71,50	232,34	Đường ĐT 05
14	NHÀ Ở LIÊN KÈ LOẠI C	1	M1-3A_3T	LKC-35-14	3,0	1,0	104,00	71,50	232,34	Đường ĐT 05
15	NHÀ Ở LIÊN KÈ LOẠI C	1	M1-4A_3T	LKC-35-15	3,0	1,0	104,00	71,50	232,34	Đường ĐT 05
16	NHÀ Ở LIÊN KÈ LOẠI C	1	M1-9A_3T	LKC-35-16	3,0	1,0	104,00	71,50	232,30	Đường ĐT 05

STT	Loại Nhà ở	Số lượng	Ký hiệu tên mẫu nhà theo hồ sơ TKBVTC	Tên lô đất theo QHCT 1/500	Quy mô căn nhà ở		Diện tích (m2)		Tổng diện tích sàn xây dựng (Theo TKBVTC)	Vị trí theo tên đường theo QH
					Số tầng	Tum	Diện tích đất	Diện tích xây dựng (Theo TKBVTC)		
	LKC-36						665,50	374,98	1.361,97	
1	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-1	LKC-36-1	4,0	1,0	144,25	63,99	275,02	Đường ĐT 05 & ĐT02
2	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-4	LKC-36-2	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường ĐT 05
3	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-9	LKC-36-3	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường ĐT 05
4	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-10	LKC-36-4	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường AT 36
5	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-6	LKC-36-5	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường AT 36
6	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-2	LKC-36-6	4,0	1,0	144,25	63,99	274,87	Đường AT 36 & ĐT02
	LKC-37						1.508,00	988,00	3.248,32	
1	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-10	LKC-37-1	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường ĐT 05
2	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-6	LKC-37-2	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường ĐT 05
3	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-5	LKC-37-3	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường ĐT 05
4	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-6	LKC-37-4	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường ĐT 05
5	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-5	LKC-37-5	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường ĐT 05
6	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-6	LKC-37-6	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường ĐT 05
7	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-5	LKC-37-7	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường ĐT 05
8	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-9	LKC-37-8	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường ĐT 05
9	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-10	LKC-37-9	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường AT 36
10	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-3	LKC-37-10	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường AT 36
11	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-4	LKC-37-11	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường AT 36
12	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-3	LKC-37-12	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường AT 36
13	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-4	LKC-37-13	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường AT 36
14	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-3	LKC-37-14	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường AT 36
15	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-4	LKC-37-15	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường AT 36
16	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-9	LKC-37-16	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường AT 36
	LKC-38						1.608,00	992,48	3.392,17	
1	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-10	LKC-38-1	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường ĐT 05
2	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-3	LKC-38-2	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường ĐT 05
3	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-4	LKC-38-3	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường ĐT 05
4	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-3	LKC-38-4	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường ĐT 05
5	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-4	LKC-38-5	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường ĐT 05
6	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-3	LKC-38-6	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường ĐT 05
7	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-4	LKC-38-7	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường ĐT 05
8	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-2	LKC-38-8	4,0	1,0	144,25	63,99	274,87	Đường ĐT 05 & AT37
9	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-1	LKC-38-9	4,0	1,0	144,25	63,99	275,02	Đường AT 36 & AT37

STT	Loại Nhà ở	Số lượng	Ký hiệu tên mẫu nhà theo hồ sơ TKBVTC	Tên lô đất theo QHCT 1/500	Quy mô căn nhà ở		Diện tích (m2)		Tổng diện tích sàn xây dựng (Theo TKBVTC)	Vị trí theo tên đường theo QH
					Số tầng	Tum	Diện tích đất	Diện tích xây dựng (Theo TKBVTC)		
10	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-6	LKC-38-10	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường AT 36
11	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-5	LKC-38-11	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường AT 36
12	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-6	LKC-38-12	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường AT 36
13	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-5	LKC-38-13	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường AT 36
14	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-6	LKC-38-14	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường AT 36
15	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-5	LKC-38-15	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường AT 36
16	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-9	LKC-38-16	3,0	1,0	94,25	61,75	203,02	Đường AT 36
	LKC-39						2.072,00	1.378,06	4.860,97	
1	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-34	LKC-39-1	4,0	1,0	181,00	87,78	376,50	Đường ĐT 03 & AT37
2	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-8	LKC-39-2	3,0	1,0	117,00	84,50	275,45	Đường ĐT 03
3	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-5	LKC-39-3	3,0	1,0	117,00	84,50	275,45	Đường ĐT 03
4	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-8	LKC-39-4	3,0	1,0	117,00	84,50	275,45	Đường ĐT 03
5	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-5	LKC-39-5	3,0	1,0	117,00	84,50	275,45	Đường ĐT 03
6	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-8	LKC-39-6	3,0	1,0	117,00	84,50	275,45	Đường ĐT 03
7	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-5	LKC-39-7	3,0	1,0	117,00	84,50	275,45	Đường ĐT 03
8	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-27	LKC-39-8	4,0	1,0	153,00	94,25	400,92	Đường ĐT 03
9	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-28	LKC-39-9	4,0	1,0	153,00	94,25	400,95	Đường ĐT 01
10	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-1	LKC-39-10	3,0	1,0	117,00	84,50	275,72	Đường ĐT 01
11	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-4	LKC-39-11	3,0	1,0	117,00	84,50	275,41	Đường ĐT 01
12	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-1	LKC-39-12	3,0	1,0	117,00	84,50	275,72	Đường ĐT 01
13	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-4	LKC-39-13	3,0	1,0	117,00	84,50	275,41	Đường ĐT 01
14	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-1	LKC-39-14	3,0	1,0	117,00	84,50	275,72	Đường ĐT 01
15	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-4	LKC-39-15	3,0	1,0	117,00	84,50	275,41	Đường ĐT 01
16	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-33	LKC-39-16	4,0	1,0	181,00	87,78	376,51	Đường ĐT 01 & AT37
	LKC-40						2.016,00	1.391,00	4.909,83	
1	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-28	LKC-40-1	4,0	1,0	153,00	94,25	400,95	Đường ĐT 03
2	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-1	LKC-40-2	3,0	1,0	117,00	84,50	275,72	Đường ĐT 03
3	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-4	LKC-40-3	3,0	1,0	117,00	84,50	275,41	Đường ĐT 03
4	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-1	LKC-40-4	3,0	1,0	117,00	84,50	275,72	Đường ĐT 03
5	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-4	LKC-40-5	3,0	1,0	117,00	84,50	275,41	Đường ĐT 03
6	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-1	LKC-40-6	3,0	1,0	117,00	84,50	275,72	Đường ĐT 03
7	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-4	LKC-40-7	3,0	1,0	117,00	84,50	275,41	Đường ĐT 03
8	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-27	LKC-40-8	4,0	1,0	153,00	94,25	400,92	Đường ĐT 03
9	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-28	LKC-40-9	4,0	1,0	153,00	94,25	400,95	Đường ĐT 01

STT	Loại Nhà ở	Số lượng	Ký hiệu tên mẫu nhà theo hồ sơ TKBVTC	Tên lô đất theo QHCT 1/500	Quy mô căn nhà ở		Diện tích (m2)		Tổng diện tích sàn xây dựng (Theo TKBVTC)	Vị trí theo tên đường theo QH
					Số tầng	Tum	Diện tích đất	Diện tích xây dựng (Theo TKBVTC)		
10	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-8	LKC-40-10	3,0	1,0	117,00	84,50	275,45	Đường ĐT 01
11	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-5	LKC-40-11	3,0	1,0	117,00	84,50	275,45	Đường ĐT 01
12	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-8	LKC-40-12	3,0	1,0	117,00	84,50	275,45	Đường ĐT 01
13	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-5	LKC-40-13	3,0	1,0	117,00	84,50	275,45	Đường ĐT 01
14	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-8	LKC-40-14	3,0	1,0	117,00	84,50	275,45	Đường ĐT 01
15	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-5	LKC-40-15	3,0	1,0	117,00	84,50	275,45	Đường ĐT 01
16	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-27	LKC-40-16	4,0	1,0	153,00	94,25	400,92	Đường ĐT 01
	LKC-41						1.370,00	871,06	3.208,08	
1	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-28	LKC-41-1	4,0	1,0	153,00	94,25	400,95	Đường ĐT 03
2	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-5	LKC-41-2	3,0	1,0	117,00	84,50	275,45	Đường ĐT 03
3	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-8	LKC-41-3	3,0	1,0	117,00	84,50	275,45	Đường ĐT 03
4	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-5	LKC-41-4	3,0	1,0	117,00	84,50	275,45	Đường ĐT 03
5	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-33	LKC-41-5	4,0	1,0	181,00	87,78	376,51	Đường ĐT 03 & ĐT12
6	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-34	LKC-41-6	4,0	1,0	181,00	87,78	376,50	Đường ĐT 01 & ĐT12
7	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-1	LKC-41-7	3,0	1,0	117,00	84,50	275,72	Đường ĐT 01
8	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-4	LKC-41-8	3,0	1,0	117,00	84,50	275,41	Đường ĐT 01
9	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-1	LKC-41-9	3,0	1,0	117,00	84,50	275,72	Đường ĐT 01
10	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M2-27	LKC-41-10	4,0	1,0	153,00	94,25	400,92	Đường ĐT 01
	BT-01						6.395,24	2.838,64	9.744,92	
1	NHÀ Ở BIỆT THỰ ĐƠN LẬP	1	M8-1A	BT-01-1	3,0	1,0	424,82	178,90	510,90	Đường AT 36 & AT40
2	NHÀ Ở BIỆT THỰ ĐƠN LẬP	1	M9-1A	BT-01-2	3,0	1,0	290,51	130,00	447,82	Đường AT 36
3	NHÀ Ở BIỆT THỰ ĐƠN LẬP	1	M9-1A	BT-01-3	3,0	1,0	273,85	130,00	447,82	Đường AT 36
4	NHÀ Ở BIỆT THỰ ĐƠN LẬP	1	M9-1B	BT-01-4	3,0	1,0	262,56	122,00	423,82	Đường AT 36
5	NHÀ Ở BIỆT THỰ ĐƠN LẬP	1	M9-1B	BT-01-5	3,0	1,0	256,62	122,00	423,82	Đường AT 36
6	NHÀ Ở BIỆT THỰ ĐƠN LẬP	1	M9-1B	BT-01-6	3,0	1,0	256,01	122,00	423,82	Đường AT 36
7	NHÀ Ở BIỆT THỰ ĐƠN LẬP	1	M9-1B	BT-01-7	3,0	1,0	260,73	122,00	423,82	Đường AT 36
8	NHÀ Ở BIỆT THỰ ĐƠN LẬP	1	M9-1A	BT-01-8	3,0	1,0	270,79	130,00	447,82	Đường AT 36
9	NHÀ Ở BIỆT THỰ ĐƠN LẬP	1	M9-1A	BT-01-9	3,0	1,0	286,20	130,00	447,82	Đường AT 36
10	NHÀ Ở BIỆT THỰ ĐƠN LẬP	1	M9-1A	BT-01-10	3,0	1,0	305,32	130,00	447,82	Đường AT 36
11	NHÀ Ở BIỆT THỰ ĐƠN LẬP	1	M8-2A	BT-01-11	3,0	1,0	462,08	178,90	510,90	Đường AT 36 & AT39
12	NHÀ Ở BIỆT THỰ ĐƠN LẬP	1	M8-1	BT-01-12	3,0	1,0	362,00	108,92	446,68	Đường ĐT 09 & AT39
13	NHÀ Ở BIỆT THỰ ĐƠN LẬP	1	M9-1	BT-01-13	3,0	1,0	259,00	125,00	432,82	Đường ĐT 09

STT	Loại Nhà ở	Số lượng	Ký hiệu tên mẫu nhà theo hồ sơ TKBVTC	Tên lô đất theo QHCT 1/500	Quy mô căn nhà ở		Diện tích (m2)		Tổng diện tích sàn xây dựng (Theo TKBVTC)	Vị trí theo tên đường theo QH
					Số tầng	Tum	Diện tích đất	Diện tích xây dựng (Theo TKBVTC)		
14	NHÀ Ở BIỆT THỰ ĐƠN LẬP	1	M9-1	BT-01-14	3,0	1,0	259,00	125,00	432,82	Đường ĐT 09
15	NHÀ Ở BIỆT THỰ ĐƠN LẬP	1	M9-1	BT-01-15	3,0	1,0	259,00	125,00	432,82	Đường ĐT 09
16	NHÀ Ở BIỆT THỰ ĐƠN LẬP	1	M9-1	BT-01-16	3,0	1,0	259,00	125,00	432,82	Đường ĐT 09
17	NHÀ Ở BIỆT THỰ ĐƠN LẬP	1	M9-1	BT-01-17	3,0	1,0	259,00	125,00	432,82	Đường ĐT 09
18	NHÀ Ở BIỆT THỰ ĐƠN LẬP	1	M9-1	BT-01-18	3,0	1,0	259,00	125,00	432,82	Đường ĐT 09
19	NHÀ Ở BIỆT THỰ ĐƠN LẬP	1	M9-1	BT-01-19	3,0	1,0	259,00	125,00	432,82	Đường ĐT 09
20	NHÀ Ở BIỆT THỰ ĐƠN LẬP	1	M9-1	BT-01-20	3,0	1,0	259,00	125,00	432,82	Đường ĐT 09
21	NHÀ Ở BIỆT THỰ ĐƠN LẬP	1	M9-1	BT-01-21	3,0	1,0	259,00	125,00	432,82	Đường ĐT 09
22	NHÀ Ở BIỆT THỰ ĐƠN LẬP	1	M8-2	BT-01-22	3,0	1,0	352,75	108,92	446,68	Đường ĐT 09 & AT40
	SL-01						2.925,50	1.412,06	5.008,15	
1	NHÀ Ở BIỆT THỰ SONG LẬP	1	M7-3A	SL-01-1	3,00	1,0	260,25	103,34	382,68	Đường ĐT 09 & AT 40
2	NHÀ Ở BIỆT THỰ SONG LẬP	1	M7-1	SL-01-2	3,00	1,0	194,25	99,87	347,74	Đường ĐT 09
3	NHÀ Ở BIỆT THỰ SONG LẬP	1	M7-2	SL-01-3	3,00	1,0	194,25	99,87	347,74	Đường ĐT 09
4	NHÀ Ở BIỆT THỰ SONG LẬP	1	M7-1	SL-01-4	3,00	1,0	194,25	99,87	347,74	Đường ĐT 09
5	NHÀ Ở BIỆT THỰ SONG LẬP	1	M7-2	SL-01-5	3,00	1,0	194,25	99,87	347,74	Đường ĐT 09
6	NHÀ Ở BIỆT THỰ SONG LẬP	1	M7-1	SL-01-6	3,00	1,0	194,25	99,87	347,74	Đường ĐT 09
7	NHÀ Ở BIỆT THỰ SONG LẬP	1	M7-4B	SL-01-7	3,00	1,0	231,25	103,34	382,69	Đường ĐT 09
8	NHÀ Ở BIỆT THỰ SONG LẬP	1	M7-3B	SL-01-8	3,00	1,0	231,25	103,34	382,69	Đường ĐT 07
9	NHÀ Ở BIỆT THỰ SONG LẬP	1	M7-2	SL-01-9	3,00	1,0	194,25	99,87	347,74	Đường ĐT 07
10	NHÀ Ở BIỆT THỰ SONG LẬP	1	M7-1	SL-01-10	3,00	1,0	194,25	99,87	347,74	Đường ĐT 07
11	NHÀ Ở BIỆT THỰ SONG LẬP	1	M7-2	SL-01-11	3,00	1,0	194,25	99,87	347,74	Đường ĐT 07
12	NHÀ Ở BIỆT THỰ SONG LẬP	1	M7-1	SL-01-12	3,00	1,0	194,25	99,87	347,74	Đường ĐT 07
13	NHÀ Ở BIỆT THỰ SONG LẬP	1	M7-2	SL-01-13	3,00	1,0	194,25	99,87	347,74	Đường ĐT 07
14	NHÀ Ở BIỆT THỰ SONG LẬP	1	M7-4A	SL-01-14	3,00	1,0	260,25	103,34	382,69	Đường ĐT 07 & AT 40
	SL-02						2.537,00	1.212,32	4.312,68	
1	NHÀ Ở BIỆT THỰ SONG LẬP	1	M7-3B	SL-02-1	3,00	1,0	231,25	103,34	382,69	Đường ĐT 09
2	NHÀ Ở BIỆT THỰ SONG LẬP	1	M7-2	SL-02-2	3,00	1,0	194,25	99,87	347,74	Đường ĐT 09
3	NHÀ Ở BIỆT THỰ SONG LẬP	1	M7-1	SL-02-3	3,00	1,0	194,25	99,87	347,74	Đường ĐT 09
4	NHÀ Ở BIỆT THỰ SONG LẬP	1	M7-2	SL-02-4	3,00	1,0	194,25	99,87	347,74	Đường ĐT 09
5	NHÀ Ở BIỆT THỰ SONG LẬP	1	M7-1	SL-02-5	3,00	1,0	194,25	99,87	347,74	Đường ĐT 09
6	NHÀ Ở BIỆT THỰ SONG LẬP	1	M7-4B	SL-02-6	3,00	1,0	260,25	103,34	382,69	Đường ĐT 09 & AT 39
7	NHÀ Ở BIỆT THỰ SONG LẬP	1	M7-3B	SL-02-7	3,00	1,0	260,25	103,34	382,69	Đường ĐT 07 & AT 39
8	NHÀ Ở BIỆT THỰ SONG LẬP	1	M7-2	SL-02-8	3,00	1,0	194,25	99,87	347,74	Đường ĐT 07
9	NHÀ Ở BIỆT THỰ SONG LẬP	1	M7-1	SL-02-9	3,00	1,0	194,25	99,87	347,74	Đường ĐT 07

STT	Loại Nhà ở	Số lượng	Ký hiệu tên mẫu nhà theo hồ sơ TKBVTC	Tên lô đất theo QHCT 1/500	Quy mô căn nhà ở		Diện tích (m2)		Tổng diện tích sàn xây dựng (Theo TKBVTC)	Vị trí theo tên đường theo QH
					Số tầng	Tum	Diện tích đất	Diện tích xây dựng (Theo TKBVTC)		
10	NHÀ Ở BIỆT THỰ SONG LẬP	1	M7-2	SL-02-10	3,00	1,0	194,25	99,87	347,74	Đường ĐT 07
11	NHÀ Ở BIỆT THỰ SONG LẬP	1	M7-1	SL-02-11	3,00	1,0	194,25	99,87	347,74	Đường ĐT 07
12	NHÀ Ở BIỆT THỰ SONG LẬP	1	M7-4B	SL-02-12	3,00	1,0	231,25	103,34	382,69	Đường ĐT 07
	LKC-29						160,00	74,49	317,01	
8	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-1A	LKC-29-8	4,0	1,0	160,00	74,49	317,01	Đường ĐT 03 & ĐT11
	LKC-42						944,00	577,98	2.028,26	
1	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-1A	LKC-42-1	4,0	1,0	160,00	74,49	317,01	Đường ĐT 01 & AT 37
2	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-6A_3T	LKC-42-2	3,0	1,0	104,00	71,50	232,39	Đường ĐT 01
3	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-5A_3T	LKC-42-3	3,0	1,0	104,00	71,50	232,39	Đường ĐT 01
4	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-6A_3T	LKC-42-4	3,0	1,0	104,00	71,50	232,39	Đường ĐT 01
5	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-5A_3T	LKC-42-5	3,0	1,0	104,00	71,50	232,39	Đường ĐT 01
14	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-3A_3T	LKC-42-14	3,0	1,0	104,00	71,50	232,34	Đường ĐT 05
15	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-4A_3T	LKC-42-15	3,0	1,0	104,00	71,50	232,34	Đường ĐT 05
16	NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI C	1	M1-2A	LKC-42-16	4,0	1,0	160,00	74,49	317,01	Đường ĐT 05 & AT 37
	Tổng cộng:	286					43.318,76	25.643,06	96.794,93	